BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

PHAN QUANG TRUNG

TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG SINH KẾ CƯ DÂN VÙNG ĐỆM ĐẾN TÀI NGUYÊN RỪNG VƯỜN QUỐC GIA YOK ĐÔN

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC
KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thừa Thiên Huế, 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

PHAN QUANG TRUNG

TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG SINH KẾ CƯ DÂN VÙNG ĐỆM ĐẾN TÀI NGUYÊN RỪNG VƯỜN QUỐC GIA YOK ĐÔN

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Mã số: 60.85.01.01

LUẬN VĂN THẠC SỸ KHOA HỌC
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. NGUYỄN XUÂN HỒNG

Thừa Thiên Huế, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn là trung thực, khách quan và chưa từng bảo vệ ở bất kỳ học vị nào.

Tôi xin cam đoan rằng mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn đã được cảm ơn, các thông tin trích dẫn trong luận văn này đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Tác giả luận văn

Phan Quang Trung

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn thạc sỹ, tôi đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ quý báu của các thầy cô, các nhà khoa học, các đồng nghiệp, gia đình và bạn bè. Với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc tôi xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới:

Thầy giáo TS. Nguyễn Xuân Hồng đã tận tình hướng dẫn, động viên cũng như giúp đỡ trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Lãnh đạo Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên đã tạo điều kiện thuận lợi để tôi tham gia khoá đào tạo cao học năm 2015-2017 tại trường Đại học Khoa học - Huế.

Các thầy cô giáo, các nhà khoa học của trường Đại học Khoa học - Huế đã tạo điều kiện thuận lợi, chỉ bảo, giúp đỡ trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Đặc biệt, tôi xin chân thành cảm ơn tới đồng bào các dân tộc thiểu số và cán bộ ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk nơi tôi đến công tác đã giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình thu thập tài liệu, điền dã tại địa phương.

Gia đình, bạn bè, đồng nghiệp luôn động viên, giúp đỡ tôi trong qúa trình học tập và hoàn thành luận văn.

Xin chân thành cảm ơn!

Thừa Thiên Huế, Ngày 20 tháng 9 năm 2017

Tác giả luận văn

Phan Quang Trung

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN i
LỜI CẢM ƠN ii
MỤC LỤC iii
DANH MỤC BẢNG v
DANH MỤC HÌNH vi
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT vii
MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Tình hình nghiên cứu của đề tài 2
3. Mục tiêu nghiên cứu 9
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 9
5. Phương pháp nghiên cứu 9
6. Câu hỏi nghiên cứu 10
7. Ý nghĩa khoa học của luận văn 11
8. Bố cục của luận văn 11
NỘI DUNG 12
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN 12
1.1. Cơ sở lý luận 12
1.1.1. Các khái niệm liên quan 12
1.1.2. Các quan điểm, lý thuyết áp dụng 14
1.2. Cơ sở thực tiễn 19
1.2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nghiên cứu 19
1.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội vùng đệm 23
Chương 2: CÁC HOẠT ĐỘNG SINH KẾ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VÙNG ĐỆM TÁC ĐỘNG ĐẾN TÀI NGUYÊN RỪNG YOK ĐÔN 29
2.1. Hiện trạng tài nguyên rừng ở Vườn quốc gia Yok Đôn 29
2.2. Các hoạt động sinh kế của cộng đồng có sử dụng tài nguyên rừng 32
2.2.1. Hoạt động khai thác và sử dụng đất rừng để sản xuất nông nghiệp 33

2.2.2. Hoạt động khai thác gỗ 36
2.2.3. Hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ 37
2.2.4. Hoạt động sử dụng rừng và đất rừng để chăn nuôi gia súc 40
2.2.5. Các hoạt động khác 42
2.3. Tác động của các hoạt động sinh kế của người dân vùng đệm đến tài nguyên rừng Vườn quốc gia Yok Đôn 43
2.3.1. Mở rộng quy mô sản xuất đất nông nghiệp 43
2.3.2. Tăng cơ hội sinh kế cho cộng đồng từ tài nguyên rừng 46
2.3.3. Tác động của các hoạt động sinh kế làm suy giảm tính đa dạng sinh học 51
2.3.4. Tác động của các hoạt động sinh kế làm suy giảm diện tích chất lượng rừng 54
2.3.5. Tác động của các hoạt động sinh kế gây khó khăn trong công tác quản lý bảo vệ rừng 61
Chương 3: MỘT SỐ GHIẢI PHÁP NHẰM GIẢM THIỂU CÁC TÁC ĐỘNG SINH KẾ BẤT LỢI ĐẾN TÀI NGUYÊN RỪNG VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA YOK ĐÔN 63
3.1. Cơ sở đề xuất 63
3.1.1. Cơ sở pháp lý 63
3.1.2. Cơ sở khoa học 65
3.2. Giải pháp 66
3.2.1. Nhóm giải pháp thuộc Chính phủ 66
3.2.2. Nhóm giải pháp thuộc về địa phương 67
3.2.3. Nhóm giải pháp thuộc cộng đồng 69
KẾT LUẬN 73
TÀI LIỆU THAM KHẢO 76
PHỤ LỤC 81

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Dân số, dân tộc vùng lõi vườn quốc gia Yok Đôn 24
Bảng 1.2. Dân số các xã vùng đệm của VQG Yok Đôn 25
Bảng 1.3. Diện tích và năng suất các loại cây trồng nông nghiệp chính 26
Bảng 2.1. Diện tích các trạng thái rừng của Vườn quốc gia Yok Đôn 29
Bảng 2.2. Thành phần động vật có xương sống ở Vườn quốc gia Yok Đôn 31
Bảng 2.3. Diện tích canh tác trung bình của hộ trong các nhóm kinh tế hộ khác nhau.....33
Bảng 2.4. Hình thức sử dụng đất rừng để sản xuất nông lâm nghiệp 34
Bảng 2.5. Mục đích và tần suất khai thác gỗ cộng đồng vùng đệm.....37
Bảng 2.6. Các loại lâm sản ngoài gỗ đang được cộng đồng sử dụng trong Vườn quốc gia Yok Đôn 38
Bảng 2.7. Phân loại lâm sản theo tầm quan trọng và nhu cầu sử dụng.....38
Bảng 2.8. Hình thức và mức độ chăn thả gia súc trên đất rừng 41
Bảng 2.9. Mức độ khai thác rau rừng phục vụ chăn nuôi gia súc.....41
Bảng 2.10. Diện tích canh tác của các HGĐ trên đất rừng thuộc VQG 44
Bảng 2.11. Các khoản thu nhập bình quân của các nhóm kinh tế hộ 47
Bảng 2.12. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của VQG Yok Đôn năm 2002 - 2016 55
Bảng 2.13. Mở rộng đất sản xuất nông nghiệp có liên quan đến đất lâm nghiệp.....56
Bảng 3.1. Ma trận 4 trường phân tích mối quan hệ giữa phát triển sinh kế vùng đệm với quản lý tài nguyên rừng 65

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Tháp sinh thái nhân văn trong nghiên cứu sự tác động của người dân địa phương đến TNR.....17
Hình 1.2. Bản đồ vị trí của VQG Yok Đôn trong tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông.....20
Hình 2.3. Các khoản thu nhập của các nhóm kinh tế hộ.....48

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
ADB	Ngân hàng phát triển châu Á
BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
BVR	Bảo vệ rừng
CTNR	Canh tác nương rẫy
DDSH	Đa dạng sinh học
DL	Du Lịch
HGĐ	Hộ gia đình
KBT	Khu bảo tồn
KT - XH	Kinh tế - xã hội
NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
PRA	Đánh giá nông thôn có sự tham gia
PTD	Phát triển công nghệ có sự tham gia
QLBVR	Quản lý bảo vệ rừng
TNR	Tài nguyên rừng
UBND	Ủy ban nhân dân
VQG	Vườn quốc gia
VQGYD	Vườn quốc gia Yok Đôn

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đã từ lâu vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học, chất lượng của các hệ sinh thái và các cảnh quan, hệ động vật, thực vật giàu có của nhiều Vườn quốc gia bị suy thoái do sức ép của người dân sinh sống ở vùng đệm các Vườn quốc gia đã được nhiều người quan tâm. Việc xây dựng vùng đệm, tạo thành một vành đai bảo vệ bổ sung cho Vườn quốc gia để loại trừ các ảnh hưởng từ phía ngoài đã được đặt ra ở nhiều nước trên thế giới.

Ở Việt Nam quản lý tài nguyên rừng ở các vườn Quốc gia đang là cách tiếp cận để quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên hài hòa với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong các hệ thống sinh thái nhân văn, nhằm hướng đến mục tiêu quản lý tốt các giá trị của thiên nhiên phục vụ cho phát triển bền vững. Hầu hết các khu rừng đặc dụng ở khu vực Tây Nguyên đều có dân cư sống xung quanh hoặc ngay bên trong diện tích quy hoạch các vườn Quốc gia. Từ đó cho thấy nhu cầu sử dụng tài nguyên rừng của nhiều cộng đồng dân cư sống gần và xung quanh các khu bảo tồn vẫn tồn tại và khó quản lý. Thực tế đang đối mặt với mâu thuẫn giữa nhu cầu sử dụng tài nguyên với quản lý bảo tồn "nghiêm ngặt". Do vậy, cần gắn cộng đồng tham gia quản lý bảo tồn và sử dụng bền vững một phần tài nguyên rừng, có tổ chức, kiểm soát, chia sẻ lợi ích đảm bảo bền vững về cả xã hội lẫn bảo tồn.

Với diện tích 115.545 ha, Vườn quốc gia Yok Đôn (VQGYD) hiện là Vườn quốc gia lớn nhất của Việt Nam. VQGYD bảo tồn nhiều kiểu hệ sinh thái trong đó hệ sinh thái rừng khô cây họ dầu, hay còn gọi là rừng khộp, chiếm diện tích lớn nhất. Đây là nơi ở của rất nhiều loài động, thực vật, trong đó có nhiều loài quý hiếm, nằm trong sách đỏ của Việt Nam và thế giới. Tuy nhiên, công tác quản lý bảo vệ rừng ở vườn quốc gia này còn nhiều hạn chế, tài nguyên rừng ngày càng giảm sút. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng nói trên mà quan trọng nhất là những tác động của cộng đồng người dân địa phương đối với tài nguyên rừng. Câu hỏi đặt ra là những nguyên nhân nào mà những hoạt động trái phép của cộng đồng người dân vào rừng vẫn tiếp tục xảy ra? Có thể có giải pháp nào làm giảm thiểu được những tác động bất

lợi của người dân địa phương tới tài nguyên rừng của Vườn quốc gia Yok Đôn hay không? Thực tế cho thấy việc kết hợp bảo tồn với phát triển, hay quản lý bảo tồn tổng hợp tài nguyên rừng là nhu cầu bức thiết. Vì vậy, chúng tôi chọn đề tài ***"Tác động của hoạt động sinh kế cư dân vùng đệm đến tài nguyên rừng Vườn quốc gia Yok Đôn"*****,** làm đề tài Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Tài nguyên và môi trường.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

2.1. Trên thế giới

Một trong những vấn đề vùng đệm ở các nước trên thế giới đó là xung đột vùng đệm. Theo Chandraskharan xung đột tài nguyên là xung đột về quyền lợi giữa các nhóm xã hội khác nhau trong việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên nhóm này muốn tước đoạt lợi thế của nhóm khác. Vì vậy có thể hiểu xung đột trong quản lý và sử dụng tài nguyên ở vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên là quá trình hình thành và phát truyển các mâu thuẫn giữa các nhóm xã hội khác nhau về quyền lực, lợi ích, mục tiêu, quan điểm, nhân thức… Trong quá trình quản lý và sử dụng tài nguyên khu bảo tồn thiên nhiên [37].

Một nghiên cứu của Gunawan, Rimbo, thực hiện năm 2000 ở Vườn quốc gia Richtersveld tại Nam Phi chỉ ra rằng việc xây dựng Vườn quốc gia có tác động rất lớn đến đời sống của người dân nơi đây. Dân cư ở đây sống bằng nghề khai thác kim cương, tuy nhiên đời sống của họ rất khó khăn, cơ sở hạ tầng thấp kém, điều kiện làm việc trong các hầm mỏ nguy hiểm. Bên cạnh đó việc khai thác của họ ảnh hưởng rất lớn đến đa dạng sinh học trong khu bảo tồn này. Trong tình trạng đó việc xây dựng khu bảo tồn đã đưa ra những cam kết giữa người dân và chính quyền nhằm cải thiện sinh kế cho cộng đồng, mặt khác nó làm cho việc bảo tồn đa dạng sinh học ở khu bảo tồn diễn ra có hiệu quả hơn. Người dân cam kết sẽ bảo vệ đa dạng sinh học trong địa phận kiếm sống của họ, còn chính quyền địa phương cam kết sẽ xây dựng cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công nhằm nâng cao đời sống cho người dân [38]. Tương tự, một nghiên cứ khác của Ato, Jin tại vườn quốc gia Kruger tại Thái Lan, để đạt được quyền sử dụng đất đai, người dân phải xây dựng quy ước bảo vệ môi trường trong khu vực Vườn quốc gia đồng thời họ cũng được chia sẽ lợi ích từ du lịch [36].

Ở Nepal, đã có một số mô hình thành công về chương trình bảo tồn đa dạng sinh học theo hướng toàn cầu. Tuy nhiên, do sự ảnh hưởng của cuộc xung đột vũ trang trong gần một thập kỷ đã tác động xấu đến các hoạt động bảo tồn và động vật hoang dã. Chính vì vậy, một số nghiên cứu về đánh giá tác động của những hoạt động này đến bảo tồn đa dạng sinh học tại VQG Bardia và vùng đệm phía tây Nepal đã được thực hiện. Nghiên cứu đã khẳng định, 73% người dân địa phương sống trong khu vực phụ thuộc vào nông nghiệp, nguồn chất đốt và thức ăn [38].

Ở Ấn Độ, diện tích đất lâm nghiệp đứng thứ hai sau diện tích đất nông nghiệp, và là nơi ước tính có 275 triệu người dân địa phương ở các vùng nông thôn phụ thuộc vào rừng (ít nhất là một phần sinh kế của họ). Một nghiên cứu về lâm nghiệp cộng đồng bên ngoài khu rừng đặc dụng đã chỉ ra rằng các khu rừng không chỉ cung cấp tiềm năng to lớn để xoá đói giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế nông thôn ở Ấn Độ mà vẫn hỗ trợ tốt mục tiêu quan trọng là bảo tồn [42].

Ở Đông Nam Châu Á, sự tham gia của người dân địa phương vào công tác bảo tồn đa dạng sinh học là một biện pháp cần thiết và thường có hiệu quả. Lý do để khuyến khích sự tham gia này là: Nỗ lực của các cơ quan Chính phủ nhằm đưa dân chúng ra khỏi các KBT đã không mang lại kết quả như mong muốn trên cả phương diện quản lý TNR và kinh tế xã hội. Việc đưa người dân vốn quen sống trên địa bàn của họ đến một nơi mới chẳng khác nào *"bắt cá khỏi nước"* và khi đó lực lượng khác có thể xâm lấn và khai thác TNR mà không có người bảo vệ. Người dân địa phương có nhiều kiến thức cổ truyền về việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và các thể chế cộng đồng đã tỏ ra có hiệu quả trong việc quản lý các nguồn tài nguyên này [43].

Vấn đề giải quyết hài hòa mâu thuẫn giữa chính sách của chính quyền và bản sắc truyền thống của người dân, nghiên cứu của nhóm tác ghiả Maxwell, Daniel; Wiebe, Keithở vườn quốc gia Vutul tại Canađa cho rằng đời sống của người dân vùng đệm được cải thiện rõ rệt khi họ được tham gia vào việc quản lý khu bảo tồn. Tại đây ban quản lý rừng giúp về kỹ thuật xây dựng các mô hình bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển kinh tế - xã hội, còn dân bản địa có thể thực hiện các mô hình đó. Hợp tác quản lý ở đây đã giải quyết hài hòa mâu thuẫn giữa chính sách của chính quyền và bản sắc truyền thống của người dân, bảo đảm cho sự thành công của

công tác bảo tồn hoang dã và bảo tồn các di sản văn hóa, đồng thời mang lại cuộc sống ổn định cho người dân sống phụ thuộc vào khai thác tài nguyên ở vườn [39].

Nhiều kết quả nghiên cứu trên thế giới và kinh nghiệm thực tiễn của các KBT và VQG khẳng định rằng để quản lý thành công cần dựa trên mô hình quản lý gắn bảo tồn đa dạng sinh học với bảo tồn văn hoá của người dân địa phương. Ở VQG Kakadu (Australia), những người thổ dân chẳng những được chung sống với VQG một cách hợp pháp mà họ còn được thừa nhận là chủ hợp pháp của VQG và được tham gia quản lý VQG thông qua các đại diện của họ trong ban quản lý. Tại VQG Wasur (Indonesia) vẫn tồn tại 13 làng bản với cuộc sống gắn với săn bắn cổ truyền.

2.2. Ở Việt Nam

Cho đến nay ở Việt Nam vẫn chưa có sự thống nhất về vùng đệm, nhất là về nhiệm vụ, quy hoạch và cách quản lý. Nhiều Khu bảo tồn, Vườn quốc gia, trong luận chứng kinh tế kỹ thuật đã có đề xuất việc thành lập vùng đệm, diện tích, ranh giới vùng đệm, nhưng cũng có nhiều khu bảo tồn vườn quốc gia lớn không có vùng đệm trong luận chứng kinh tế kỹ thuật.

Xem xét các vùng đệm đã có hiện nay tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng việc thành lập các vùng đệm không theo một khuôn khổ thống nhất. Dù vùng đệm của khu bảo tồn được tạo ra theo hình thức nào, hay khi thành lập khu bảo tồn không nói đến vùng đệm, thì những công việc hàng ngày xảy ra, do dân cư sinh sống xung quanh khu bảo tồn, tạo sức ép nặng nề lên khu bảo tồn, đã buộc các Ban quản lý Vườn quốc gia và khu bảo tồn phải có những hoạt động liên quan đến việc ổn định cuộc sống của dân cư ở đây, giáo dục, khuyến khích họ bảo vệ thiên nhiên, giải quyết những mâu thuẫn xảy ra giữa khu bảo tồn và người dân, giảm sức ép của cư dân lên khu bảo tồn v.v... Đó là những công việc quan trọng mà ban quản lý khu bảo tồn nào cũng phải thường xuyên lo lắng, và không thể bỏ qua được. Các công việc đó thực chất là một trong những công việc quan trọng của việc quản lý vùng đệm.

Nhiều Ban quản lý khu bảo tồn và chính quyền thuộc các cấp (huyện và xã) có liên quan đến các khu bảo tồn và vườn quốc gia, trong nhiều năm qua, tuy chưa có sự hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền, nhưng đã có nhiều cố gắng tổ

chức các hoạt động bằng những hình thức khác nhau và bước đầu đã thu được những kết quả khả quan. Sức ép của nhân dân các địa phương này lên khu bảo tồn đã giảm đi đáng kể, như các vườn quốc gia Cúc phương, Yok Đôn, Bạch Mã, Cát Tiên, các khu bảo tồn: Kẻ Gỗ, Xuân Thủy và một số khu bảo tồn khác nữa... Một số dự án quốc tế cũng đã đạt nhiều kết quả trong việc hỗ trợ các khu bảo tồn về nâng cao nhận thức cho người dân, hoặc ghiúp dân vùng đệm nâng cao cuộc sống để họ giảm bớt sức ép lên khu bảo tồn. Một số dự án trong khuôn khổ chương trình nghiên cứu Việt Nam - Hà Lan cũng đã đề cập đến vấn đề vùng đệm.

Ở Việt Nam đã tổng hợp, phân tích từ thực tế và những nghiên cứu liên quan đến các nội dung như: Định hướng và thực trạng bảo tồn ĐDSH; Tiếp cận nghiên cứu bảo tồn ĐDSH; Tiếp cận trong quy hoạch bảo tồn và quản lý TNR; Quản lý tài nguyên rừng bền vững; Quản lý rừng cộng đồng; hưởng lợi trong giao đất giao rừng; Tình hình quản lý TNR ở các KBT vùng Tây Nguyên, Cao Thị Lý (2008) cho thấy: Bảo tồn ĐDSH đã được định hướng toàn diện; tuy nhiên cần quan tâm đến bảo tồn dựa vào cộng đồng, nghiên cứu kiến thức bản địa và phương thức quản lý TNR truyền thống; tiếp cận có sự tham gia trong hoạt động bảo tồn [17].

Riêng ở tỉnh Gia Lai, Nuyễn Văn Phong (2003), đã cho rằng cần thiết phải tiến hành quản lý rừng ở khu vực vùng đệm dựa vào cộng đồng bởi các lý do: Phần lớn diện tích rừng nằm ở vùng cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số với đời sống gắn liền với rừng và đất rừng; phương thức này phù hợp với điều kiện kinh tế tự cung tự cấp; nhà nước không có điều kiện đầu tư một khoản kinh phí lớn để thuê người dân bảo vệ rừng lâu dài, quản lý rừng hiện nay chưa gắn với sự tham gia của người dân; quản lý rừng cộng đồng là dựa trên hương ước nội bộ với sự lãnh đạo của người đứng đầu thôn làng được mọi ngừi tôn trọng nên sẽ có hiệu quả. Trên quan điểm này, tỉnh Gia Lai đã có đề xuất phương hướng quản lý rừng dựa vào cộng đồng trong khuôn khổ dự án ngành lâm nghiệp Việt nam - ADB bao gồm các vấn đề chính sách hỗ trợ lâm nghiệp cộng đồng, thí điểm giao rừng cho hộ và cộng đồng hưởng lợi theo quyết định 178, tập huấn, đào tạo, sử dụng phương pháp phát triển công nghệ có sự tham gia (PTD), xây dựng quy chế quản lý rừng cộng đồng, đề nghị nghiên cứu phát triển phương pháp điều tra rừng và lập kế hoạch quản lý

rừng đơn ghiản, các thể chế tổ chức hỗ trợ cho quản lý rừng cấp thôn xã [31].

Các nghiên cứu điểm về hiện trạng quản lý rừng cộng đồng cũng đã được tiến hành trên các vùng sinh thái nhân văn ở các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, (An Văn Bảy, Bảo Huy, Nguyễn Huy Dũng, Vũ Long, Bùi Đình Toái, Trần Văn Con), qua phân tích đánh giá các nghiên cứu này đã rút ra một kết luận quan trọng là: Trong các hệ thống quản lý rừng khác nhau thì hình thức quản lý rừng cộng đồng là một phương án thích hợp cho quản lý rừng bền vững ở Việt Nam [35].

Trong các nghiên cứu về hiện trạng quản lý rừng cộng đồng ở Việt Nam, công cụ định vị được dùng để đánh giá mức độ tham gia của cộng đồng trong hệ thống quản lý rừng hiện tại. Công cụ định vị này được nhóm công tác quản lý rừng cộng đồng quốc gia xây dựng, bao gồm 4 mảng biểu thị 4 yếu tố của quản lý rừng cộng đồng là: Quyền sử dụng đất; Lợi ích từ quản lý rừng; thực trạng tài nguyên rừng; Tác động của chính phủ đối với quản lý rừng có sự tham gia. Sự tham gia của cộng đồng ở mỗi yếu tố được đánh giá bởi ba mức độ: Định hướng cộng đồng mạnh, trung bình và yếu. Bảo Huy (2005), đã nghiên cứu thực trạng quản lý rừng cộng đồng dân tộc M'Nông ở Đăk Lăk và đưa ra kết quả đánh giá dựa vào công cụ định vị. Công cụ định vị được dùng để so sánh truyền thống quản lý rừng và sự thay đổi của nó đến nay [13].

Khi nghiên cứu về sự tiếp cận tài nguyên rừng cũng như sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số. Công trình "*Phân cấp trong quản lý tài nguyên rừng và sinh kế người dân",* của nhóm nghiên cứu, Trần Đức Viên, Nguyễn Vinh Quang, Mai Văn Thành. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2005. Các tác giả này đã tìm hiểu sự khác biệt về tác động của chính sách phân cấp (hay phân quyền) quản lý tài nguyên rừng đến tài nguyên rừng và cuộc sống người dân tộc thiểu số sống ở hai vùng sinh thái khác nhau, nơi mà những cộng đồng người dân tộc thiểu số khác nhau sống trên cùng một vùng sinh thái (trong trường hợp này là hai cộng đồng người Thái và người Khơ Mú cùng sống tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương). Qua đó tác giả đã xác định những ảnh hưởng của chính sách phân quyền đến sinh kế của người dân địa phương. Từ đó, đề ra một số kiến nghị nhằm quản lý tốt hơn tài nguyên rừng, góp phần ghiúp bà con nơi đây có cuộc sống tốt đẹp hơn. Cũng trong giai đoạn này

tác giả Võ Tòng Xuân đã cho ra tác phẩm "*Phát triển nông thôn bền vững - chính sách đất đai và sinh kế = Suntainable rural development land policies and livelihoods: Một số kết quả nghiên cứu 2004 - 2007",* Nxb. Nông nghiệp, 2008. Cuốn sách đã tập hợp những bài nghiên cứu liên quan tới chính sách đất đai và vấn đề sinh kế của người dân nông thôn như: Sự phát triển của nông thôn và môi trường; các chính sách về đất đai cho người nghèo, ảnh hưởng của đô thị hoá đối với đời sống nông thôn... Tìm hướng đi để phát triển nông thôn bền vững là mục tiêu muốn hướng đến của tác ghiả.

Tại vùng Tây Nguyên và tỉnh Đăk Lăk, trong những năm qua, đã có nhiều nghiên cứu về công tác quản lý, bảo tồn tài nguyên rừng dựa vào cộng đồng và hướng phát triển kinh tế các cộng đồng sống trong và gần rừng. Công trình *"Tài liệu hướng dẫn giao đất giao rừng có sự tham gia của người dân*", của Bảo huy, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Gia Lai, 01/2005, đề tài này đã đóng góp vào việc xây dựng một cách hệ thống các giải pháp, phương pháp tiếp cận để phát triển mô hình quản lý tài nguyên rừng dựa vào cộng đồng dân tộc thiểu số, trong đó giao đất giao rừng là một phần quan trọng trong cả tiến trình. Trên cơ sở kết quả của đề tài đã xây dựng tài liệu hướng dẫn cụ thể giao đất giao rừng có sự tham gia của người dân phục vụ cho việc áp dụng các phương pháp tiếp cận có sự tham gia, kỷ thuật tổ chức giao đất giao rừng trên hiện trường cùng với người dân. Cũng chính tác ghiả trong công trình *"Kiến thức sinh thái địa phương trong canh tác nương rẫy và quản lý tài nguyên rừn của cộng đồng dân tộc thiểu số Tây Nguyên, Mạng lưới đào tạo nông lâm nghiệp Việt Nam*, 2003. Đề tài nghiên cứu nhằm bắt đầu cho hệ thống hóa các kiến thức và kinh nghiệm của các cộng đồng dân tộc ở từng vùng địa phương và tường vùng sinh thái, trong đó đi sâu vào khía cạnh sinh thái, làm cơ sở cho phương thức phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng. Đồng thời đề tài cũng đã hệ thống hóa kiến thức sinh thái địa phương trong quản lý và sử dụng tài nguyên rừng, phân tích tiềm năng của kiến thức sinh thái địa phương trong nghiên cứu và phát triển tài nguyên rừng dựa vào cộng đồng dân tộc thiểu số.

Năm 2002, trong nghiên cứu *"Đề xuất các hoạt động phát triển lâm nghiệp tài Vườn quốc gia Yok Đôn"*, của nhóm giảng viên dự án lâm nghiệp xã hội, trường

Đại học Tây Nguyên, nghiên cứu đã điều tra đánh giá tình hình chung các hoạt động liên quan đến lâm nghiệp trong vùng đệm cũng như trong khu vực Vườn quốc gia Yok Đôn và xem xét những khả năng thúc đẩy hoạt động lâm nghiệp ở đây. Trên cơ sở đánh giá qúa trình và rút ra những bài học kinh nghiệm, một kế hoạch phát triển lâm nghiệp trong tương lai đã được đề xuất. Việc đánh giá tập trung vào hoạt động lâm nghiệp, nông lâm kết hợp bên trong và bên ngoài Vườn.

Cũng trong thời gian này, trong nghiên cứu trường hợp: *"Nghiên cứu lập kế hoạch phát triển buôn Đrăng Phôk nội vùng Vườn quốc gia Yok Đôn"* của nhóm giảng viên dự án lâm nghiệp xã hội, trường Đại học Tây Nguyên. Nghiên cứu trường hợp này hướng đến hỗ trợ cho địa phương đổi mới cách tiếp cận trong xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng theo cách từ dưới lên. Kết quả của nó không chỉ phục vụ cho đào tạo mà còn đưa ra các đề xuất kiến nghị với lãnh đạo các cấp về phương, kế hoạch phát triển cho một thôn buôn cộng đồng dân tộc thiểu số nhằm cải thiện đời sống, định hướng phát triển bền vững trong hoàn cảnh một buôn nằm trong khu bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt.

Qua các nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam cho thấy, một số khu rừng đặc dụng được nhận định không chỉ cung cấp tiềm năng to lớn để xoá đói giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế nông thôn mà vẫn hỗ trợ tốt mục tiêu quan trọng là bảo tồn. Ngăn cấm người dân thâm nhập, tiếp cận nguồn tài nguyên trong KBT, VQG tất yếu làm nảy sinh mâu thuẫn giữa cộng đồng địa phương, KBT, VQG với mục đích bảo tồn. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt những người sống trong rừng, gần rừng, phụ thuộc vào rừng sẽ góp phần mang lại thành công trong chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học. Quản lý bền vững tài nguyên rừng là phải thu hút sự tham gia của các bên liên quan và đặc biệt phải bao gồm cả phát triển cộng địa phương bằng các hoạt động làm tăng thu nhập. Vì những lý do khác nhau mà cho đến nay, vẫn chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách hệ thống, đồng bộ và toàn diện về tác động của cộng đồng địa phương tới TNR ở các khu rừng đặc dụng Việt Nam. Phần lớn vấn đề này mới thực hiện ở mức độ nhất định, ở một hoặc một số KBT, VQG đơn lẻ, một số tập trung nghiên cứu ở vùng đệm, một số tập trung nghiên cứu ở khu bảo vệ nghiêm ngặt.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu tác động của các hoạt động sinh kế cộng đồng dân cư đến tài nguyên rừng vùng đệm Vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đăk Lăk.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định các hoạt động sinh kế của người dân vùng đệm có tác động đến tài nguyên rừng Vườn quốc gia Yok Đôn

- Phân tích các tác động của hoạt động sinh kế đến tài nguyên rừng Vườn quốc gia Yok Đôn

- Đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu sự bất lợi của hoạt động sinh kế của cộng đồng dân tộc thiểu số đối với tài nguyên rừng Vườn quốc gia Yok Đôn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu sinh kế của cộng đồng dân cư vùng đệm và những tác động của các hoạt động sinh kế đến tài nguyên rừng vùng đệm vườn quốc gia Yok Đôn

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Không gian:

Vùng sinh thái nhân văn đại diện cho nơi cư trú, canh tác, quản lý tài nguyên của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, vùng chọn buôn điển hình đó là buôn Drăng Phôk và buôn Trí (xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk). Tiêu chí lựa chọn vùng sinh thái nhân văn nghiên cứu vì: Đại diện cho cộng đồng dân tộc thiểu tại chỗ; Là cộng đồng dân cư sống phụ thuộc vào rừng, là xã nằm trong vùng đệm của vườn quốc gia Yok Đôn.

- Thời gian:

Đề tài nghiên cứu thực trạng các hoạt động sinh kế của cộng đồng dân cư trong khoảng thời gian từ từ năm 2002 đến năm 2017. Các số liệu sơ cấp được thu thập chủ yếu trong năm 2017.

5. Phương pháp nghiên cứu

Những phương pháp nghiên cứu chủ yếu mà chúng tôi đã áp dụng trong luận văn này nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu là:

Phương pháp kế thừa tài liệu, thư tịch có sẵn: Đọc và xử lý các tài liệu, các tạp chí, sách chuyên khảo, các đề tài nghiên cứu và các tài liệu thu thập từ địa phương liên quan đến đề tài nghiên cứu. Các dữ liệu sau khi được thu thập, thẩm định tính thống nhất và có thể điều tra bổ sung và tổng hợp, chọn lọc và phân tích cho phù hợp với yêu cầu của luận văn.

- *Phương pháp điều tra xã hội học:* Căn cứ vào mục tiêu, đối tượng, thời gian nghiên cứu, luận văn lựa chọn hình thức phỏng vấn sâu (10 người) và phỏng vấn cấu trúc bằng bảng hỏi.

Phỏng vấn sâu: Chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu 10 người, trong đó sẽ đảm bảo đủ các đối tượng là cán bộ các cấp và người dân. Đây là phương pháp chủ đạo trong việc thu thập thông tin cho đề tài nghiên cứu.

Phỏng vấn bảng hỏi: Với luận văn này, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 70 hộ gia đình, Các HGĐ phỏng vấn được lựa chọn theo phương pháp ngẫu nhiên có hệ thống.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp:* Các số liệu thu thập được sắp xếp thành bảng thống kê giúp so sánh, đối chiếu, phân tích theo các phương pháp khác nhau nhằm đạt được mục đích của nghiên cứu như những bảng thống kê số liệu hiện trạng, bảng biến động đất đai qua các năm.

- *Phương pháp chuyên gia:* Tranh thủ kinh nghiệm của các chuyên gia trong đánh giá và nhậ xét về nghiên cứu gắn bảo tồn với phát triển sinh kế.

6. Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này trả lời những câu hỏi sau đây:

1. Thực trạng quản lý tài nguyên rừng ở Vườn quốc gia Yok Đôn như thế nào?
2. Cộng đồng cư dân vùng đệm ở Vườn quốc gia Yok Đôn có những hoạt động sinh kế gì?
3. Các hoạt động sinh kế của cộng đồng dân cư vùng đệm tác động như thế nào đến tài nguyên rừng?
4. Cần những giải pháp gì trong việc giảm thiểu tác động bất lợi của cộng đồng dân cư vùng đệm đến tài nguyên rừng?

7. Ý nghĩa khoa học của luận văn

- Về mặt khoa học: Bỗ sung các thông tin cơ sở khoa học cho các nhà hoạch định chính sách liên quan đến quản lý bảo tòn ở cơ sở.

- Về mặt thực tiễn: Cơ sở để thực hiện bảo tồn, tôn trọng nhu cầu của người dân và tăng cường sự tham gia của cộng đồng, tăng cường mối quan hệ giữa bảo tồn và sinh kế của cộng đồng dân cư vùng đệm.

8. Bố cục của luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, đề tài được chia làm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn

Chương 2: Các hoạt động sinh kế của cộng đồng dân cư vùng đệm tác động đến tài nguyên rừng Yok Đôn

Chương 3: Một số giải pháp nhằm giảm thiểu các tác động sinh kế bất lợi của cộng đồng dân cư vùng đệm đến tài nguyên rừng Vườn quốc gia Yok Đôn